

TOÀ ÁN ND KHU VỰC 7
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 10/2025/DS-ST.

Ngày: 11/9/2025.

V/v: "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HOÁ.

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Ngô Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Ngọc Dung và bà Lê Thị Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Lệ Thủy - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Minh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 9 năm 2025 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hoá xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 09/2025/TLST-DS ngày 11 tháng 4 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2025/QĐXXST - DS ngày 22 tháng 7 năm 2025 đối với các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (Viết tắt là VIB);

Địa chỉ: Tầng 1 (tầng trệt), tầng 2 Toà nhà Sailing Tower, số 111A Pasteur, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Hàn Ngọc Vũ – Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB);

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Hoàng Đình Hạnh – Chức vụ: Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Vùng. Đơn vị: Vùng Tây Hà Nội, khối mạng lưới kinh doanh ngân hàng bán lẻ (Theo Giấy uỷ quyền số: 064585.24 ngày 03/04/2024 của Tổng giám đốc).

Người đại diện theo uỷ quyền lại: Ông Đồng Phú Việt – Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng Thương mại cổ phần Quốc tế Việt Nam (VIB) (Theo Giấy uỷ quyền số: 129495.24 ngày 05/7/2024 của Giám đốc thu hồi nợ trực tiếp và xử lý nợ Vùng). Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Đạt T, sinh năm 1986. Số căn cước công dân: 038086013493 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 23/10/2018. Bà Lê Thị Ngọc Á, sinh năm 1989. Số căn cước công dân: 038189001092 do Cục cảnh sát QLHC về TTXH cấp ngày 12/07/2019.

Cùng địa chỉ: Xóm 6, xã Biện Thượng, Tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 04 tháng 3 năm 2025 của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn là ông Đồng Phú Việt trình bày: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam - VIB Cầu Giấy cấp tín dụng cho ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á theo 02 hợp đồng tín dụng và phát hành 01 thẻ tín dụng, chi tiết như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7835372.21 ngày 11/06/2021; Số tiền vay: 548,000,000 đồng (Bằng chữ: Năm trăm bốn mươi tám triệu đồng; Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô, phục vụ mục đích tiêu dùng, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Kona, biển kiểm soát: 36A-644.18, theo Hợp đồng mua bán xe số: 1114/HĐMB-HPVD/2021, ký ngày: 04/06/2021 giữa ông Hoàng Đạt T và Công ty cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng. Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 12/06/2021 đến ngày 11/06/2029. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất T thường là: lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 28 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 28/07/2021, mỗi kỳ trả 5,710,000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Trả nợ lãi: Vào ngày 28 hàng tháng; Trả nợ phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ.

- Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021; Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5786662.21 ngày 24/11/2021; Số tiền vay: 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô, phục vụ mục đích tiêu dùng, nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson, theo Hợp đồng mua bán xe số: 2111DRC13660, ký ngày: 06/11/2021 giữa bà Lê Thị Ngọc Á và Công ty cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng. Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 25/11/2021 đến ngày 24/11/2029. Lãi suất vay: Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất T thường là: lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/ một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 25/12/2021, mỗi kỳ trả 7.300.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Trả nợ phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ.

- Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021, cụ thể: Chủ tài khoản: Hoàng Đạt T. Số tài khoản thẻ: ***0462512. Hạn mức 62.000.000 đồng.

Tài sản thế chấp 1 là: “01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Kona, biển kiểm soát: 36A-644.18, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 009624 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2021 cho ông Hoàng Đạt T”, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7835372.21 ngày 11/06/2021. Tài sản thế chấp 2 là: 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson,

biển kiểm soát: 36A-692.77, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 018942 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2021 cho bà Lê Thị Ngọc Á”, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5786662.21 ngày 24/11/2021.

Quá trình thực hiện hợp đồng: Ngày 11/06/2021, VIB đã giải ngân cho ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á với số tiền 548,000,000 đồng, theo đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 4779685(1).21 theo đúng yêu cầu của ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á và phù hợp với quy định tại HĐTD. Ngày 24/11/2021, VIB đã giải ngân cho ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á với số tiền 700.000.000 đồng, theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ (KUNN) số 9004413(1).21 theo đúng yêu cầu của ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á và phù hợp với quy định tại HĐTD.

Trong thời gian thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á đã nhiều lần vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Đến thời điểm ngày 10/4/2025, ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á chỉ trả được 919.837.599 đồng, trong đó: Tiền gốc là 497.100.133 đồng, tiền lãi trong hạn là 422.204.153 đồng, tiền lãi quá hạn là 533.313 đồng. Mặc dù VIB đã nhiều lần đôn đốc, tạo điều kiện trả nợ, nhưng ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á vẫn không trả nợ. Khoản nợ của ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á đã chuyển sang quá hạn từ ngày 28/12/2024. Tạm tính đến ngày 10/4/2025 ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á còn nợ VIB số tiền là 856.722.187 đồng, trong đó: Dư nợ theo HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021 là: 325.823.842 đồng trong đó: Nợ gốc là 313.890.000 đồng; Nợ lãi là 11.539.167 đồng, Nợ lãi quá hạn là 394.675 đồng. Dư nợ theo HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 là 454.384.573 đồng trong đó: Nợ gốc là 437.200.000 đồng; Nợ lãi là 16.592.095 đồng; Nợ lãi quá hạn là 592.478 đồng; Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021 là 76.513.772 đồng trong đó: Nợ gốc là 56.327.240 đồng; Nợ lãi là 5.452.857 đồng; Nợ phí là 14.733.675 đồng.

Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam yêu cầu: Buộc ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam toàn bộ số tiền nợ tạm tính đến ngày 27/02/2025 là 856.722.187 đồng, trong đó: Dư nợ theo HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021 là: 325.823.842 đồng trong đó: Nợ gốc là 313.890.000 đồng; Nợ lãi là 11.539.167 đồng, Nợ lãi quá hạn là 394.675 đồng. Dư nợ theo HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 là 454.384.573 đồng trong đó: Nợ gốc là 437.200.000 đồng; Nợ lãi là 16.592.095 đồng; Nợ lãi quá hạn là 592.478 đồng; Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021 là 76.513.772 đồng trong đó: Nợ gốc là 56.327.240 đồng; Nợ lãi là 5.452.857 đồng; Nợ phí là 14.733.675 đồng.

Ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á còn phải tiếp tục trả lãi trên số tiền nợ gốc, nợ lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại hợp đồng tín dụng kể từ ngày 28/02/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ các khoản tiền phải trả VIB theo quy định tại HĐTD và HĐTC.

Kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á không trả được toàn bộ khoản nợ thì Ngân hàng TMCP

Quốc Tế Việt Nam được tự mình và/hoặc có quyền đề nghị cơ quan thi hành án kê biên, phát mại tài sản thế chấp cụ thể:

- Tài sản bảo đảm 1 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Kona, biển kiểm soát: 36A-644.18, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 009624 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2021 cho ông Hoàng Đạt T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7835372.21 ngày 11/06/2021.

- TSBD 2 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson, biển kiểm soát: 36A-692.77, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 018942 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2021 cho bà Lê Thị Ngọc Á, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5786662.21 ngày 24/11/2021.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả khoản nợ của ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á với Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam. Trường hợp nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn yêu cầu bổ sung như sau:

Buộc ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/9/2025 là: 969.731.917 đồng, trong đó: Dư nợ theo HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021 là: 361.994.202 đồng gồm: Nợ gốc là 313.790.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 16.513.557 đồng, Nợ lãi quá hạn: 31.690.645 đồng. Dư nợ theo HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 là 504.756.802 đồng trong đó: Nợ gốc là 437.109.867 đồng; Nợ lãi là 23.712.287 đồng; Nợ lãi quá hạn là 43.934.648 đồng. Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021 là 102.980.913 đồng trong đó: Nợ gốc là 56.327.240 đồng; Nợ lãi là 18.375.711 đồng; Nợ phí là 28.277.962 đồng.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án ông T, bà Á đã nhận được T báo về việc thụ lý vụ án và các loại văn bản tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T, bà Á không đến Tòa án làm việc. Ông T, bà Á đã được Tòa án triệu tập hợp lệ phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa như sau:

- Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến phiên tòa hôm nay, thấy rằng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký Tòa án đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn của mình và tuân theo đúng quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam. Buộc ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi trong hạn, tiền lãi chậm trả và các khoản

phát sinh liên quan theo các Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 11/9/2025 là: 969.731.917 đồng, trong đó:

Dư nợ theo HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021 là: 361.994.202 đồng gồm: Nợ gốc là 313.790.000 đồng; Nợ lãi là 16.513.557 đồng, Nợ lãi quá hạn là 31.690.645 đồng.

Dư nợ theo HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 là 504.756.802 đồng trong đó: Nợ gốc là 437.109.867 đồng; Nợ lãi là 23.712.287 đồng; Nợ lãi quá hạn là 43.934.648 đồng;

Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021 là 102.980.913 đồng trong đó: Nợ gốc là 56.327.240 đồng; Nợ lãi là 18.375.711 đồng; Nợ phí là 28.277.962 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thi hành án xong ông T, bà Á còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 02 hợp đồng tín dụng đã ký kết và thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021.

Trường hợp ông T, bà Á không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ trên. Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông T, bà Á phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

- Về án phí: Buộc ông T, bà Á phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam khởi kiện yêu cầu ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á trả số tiền vay do không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán tại Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021, Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021 và thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021. Mục đích vay của ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á là vay tiêu dùng. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp giao dịch dân sự về hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thôn 6, xã Biện Thượng, tỉnh Thanh Hóa nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa theo điểm a khoản 1 điều 35 và điểm a khoản 1 điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đã nhận được T báo việc thụ lý vụ án, T báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng đến nay ông T, bà Á vắng mặt không có lý do, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì cho Tòa án. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Về hợp đồng tín dụng:

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam ký kết với ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á 03 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021, Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021 và thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021, cụ thể: Chủ tài khoản: Hoàng Đạt T. Số tài khoản thẻ: ***0462512. Hạn mức 62.000.000đồng. Việc ký kết các hợp đồng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện giữa các bên, phù hợp với quy định của Luật các tổ chức tín dụng và phù hợp với quy định về hợp đồng cho vay tài sản của Bộ luật Dân sự. Do đó, xác định đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp và có hiệu lực thi hành đối với các bên.

[3] Về yêu cầu trả số tiền nợ gốc:

Theo tài liệu, chứng cứ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam cung cấp thấy rằng: Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021 thể hiện: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam cho ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á vay số tiền gốc là 548.000.000 đồng (Năm trăm bốn mươi tám triệu đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô, phục vụ mục đích tiêu dùng. Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 12/06/2021 đến ngày 11/06/2029. Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021 thể hiện Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam cho ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á vay số tiền gốc là 700.000.000 đồng (Bảy trăm triệu đồng); Mục đích vay vốn: Thanh toán tiền mua 01 xe ô tô, phục vụ mục đích tiêu dùng giữa bà Lê Thị Ngọc Á và Công ty cổ phần Hyundai Phạm Văn Đồng. Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 25/11/2021 đến ngày 24/11/2029. Phát hành thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021, cụ thể: Chủ tài khoản: Hoàng Đạt T. Số tài khoản thẻ: ***0462512. Hạn mức 62.000.000đồng (Sáu mươi hai triệu đồng). Ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á đã nhận đủ số tiền gốc vay từ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam của 03 hợp đồng tín dụng nêu trên.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đến ngày 27/02/2025, ông Hoàng Đạt T và bà Lê Thị Ngọc Á trả được 919.647.466 đồng, trong đó: tiền gốc là 496.910.000 đồng. Tính đến ngày 11/9/2025 ông T, bà Á còn nợ số tiền gốc là: 807.417.240đồng. Trong đó: Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021 là 313.890.000 đồng; Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021 là 437.200.000 đồng; Thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021, Chủ tài khoản: Hoàng Đạt T. Số tài khoản thẻ: ***0462512 là 56.327.240 đồng. Do ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á không thanh toán tiền gốc, lãi cho ngân hàng theo như cam kết tại các hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ đã ký kết với ngân hàng về việc thanh toán gốc, lãi đúng hạn theo quy định. Vì vậy, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam yêu cầu ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á trả số tiền gốc đã vay là: 807.227.107 đồng.

Xét thấy: Ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền gốc quy định tại 03 hợp đồng tín dụng gồm: Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021, Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021 và thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021, cụ thể: Chủ tài khoản: Hoàng Đạt T. Số tài khoản thẻ: ***0462512. Hạn mức 62,000,000đồng. Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam yêu cầu ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á phải

trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tính đến ngày 11/9/2025 số tiền gốc là 807.227.107 đồng là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Về yêu cầu trả tiền lãi: Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam yêu cầu ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á trả tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn và phí của thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021 tính đến thời điểm xét xử (ngày 11/9/2025).

Thấy rằng: Giữa Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á đã thống nhất thỏa thuận về mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và lãi suất chậm trả, thời hạn trả lãi cụ thể tại các hợp đồng vay vốn như sau:

- Hợp đồng tín dụng số 4779685.21 ngày 11/06/2021; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất T thường là: lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 3,5%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 28 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 28/07/2021, mỗi kỳ trả 5,710,000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Trả nợ lãi: Vào ngày 28 hàng tháng; Trả nợ phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ.

- Hợp đồng tín dụng số 9004413.21 ngày 24/11/2021; Lãi suất tại thời điểm giải ngân là 9,1%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất T thường là: lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + Biên độ 4.1%/năm) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản tín dụng. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng/ một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của VIB tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; Trả nợ gốc: Vào ngày 25 hàng tháng, kỳ trả đầu tiên 25/12/2021, mỗi kỳ trả 7.300.000 đồng, số còn lại trả vào cuối kỳ. Trả nợ lãi: Vào ngày 25 hàng tháng; Trả nợ phí: Theo quy định của VIB từng thời kỳ.

- Thẻ tín dụng quốc tế đã ký ngày 07/06/2021, cụ thể: Chủ tài khoản: Hoàng Đạt T. Số tài khoản thẻ: ***0462512. Hạn mức 62.000.000đồng. Lãi suất áp dụng cho các giao dịch mua sắm: Miễn lãi lên đến 55 ngày; 0.83%-3.29%/tháng. Lãi suất áp dụng cho các giao dịch rút tiền: 0.83%-3.29%/tháng. Lãi suất áp dụng cho các giao dịch rút/ứng tiền mặt qua máy POS tại chi nhánh/phòng giao dịch VIB: 1.22-2.96%/tháng. Mức lãi suất cụ thể sẽ tùy thuộc lịch sử tín dụng của từng khách hàng và được VIB T báo qua SMS và/hoặc Email và/hoặc Bảng sao kê,...Phí gồm: Phí thường niên thẻ chính: 599.000 VNĐ; phí thường niên thẻ phụ 299.000 VNĐ; Phí ứng/rút tiền mặt: 4% (tối thiểu: 100.000 VNĐ); Phí chậm thanh toán: 4%/số tiền chậm thanh toán (tối thiểu: 200.000 VNĐ; tối đa: 2.000.000 VNĐ) áp dụng trên toàn bộ dư nợ cuối kỳ chưa thanh toán theo T báo của Bảng sao kê thẻ tín dụng hàng tháng. Phí vượt hạn mức: 4%/số tiền vượt hạn mức/giao dịch.

Việc thỏa thuận mức lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn và phí tại 03 hợp đồng tín dụng nêu trên là sự tự nguyện của các bên và phù hợp với quy định

khoản 2 điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng, do đó được chấp nhận. Do đó, buộc ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền lãi cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam là phù hợp.

Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam cung cấp bảng tính lãi phù hợp với sự thỏa thuận của các bên tại 03 hợp đồng tín dụng vì vậy được chấp nhận. Cụ thể số tiền lãi ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á phải trả cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tính đến ngày xét xử (11/9/2025) cụ thể như sau:

- HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021 số tiền lãi trong hạn là 16.513.557 đồng, Nợ lãi quá hạn là 31.690.645 đồng.

- HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 số tiền lãi trong hạn là 23.712.287 đồng; Nợ lãi quá hạn là 43.934.648 đồng.

- Thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021, số tiền lãi là 18.375.711 đồng; Nợ phí là 28.277.962 đồng.

Như vậy tính đến ngày 11/9/2025 ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á còn nợ Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền gốc và lãi là: 969.731.917 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thi hành án xong, ông T, bà Á còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021; HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 và thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021.

[5] Về hợp đồng thế chấp tài sản: Để đảm bảo cho khoản tiền vay tại các hợp đồng tín dụng nêu trên ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á và Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam đã thực hiện hợp đồng thế chấp các tài sản sau:

- Tài sản bảo đảm 1 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Kona, biển kiểm soát: 36A-644.18, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 009624 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2021 cho ông Hoàng Đạt T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7835372.21 ngày 11/06/2021.

- TSBD 2 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson, biển kiểm soát: 36A-692.77, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 018942 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2021 cho bà Lê Thị Ngọc Á, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5786662.21 ngày 24/11/2021.

Xét thấy: Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7835372.21 ngày 11/06/2021 và Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5786662.21 ngày 24/11/2021 đã được các bên ký kết theo đúng quy định của pháp luật Dân sự, có hiệu lực thi hành đối với các bên liên quan. Do đó Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tiếp tục quản lý hồ sơ tài sản thế chấp để đảm bảo việc thi hành án là phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp ông T, bà Á không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ trên. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á phải có nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

[6] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu khởi kiện Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam được chấp nhận nên ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á phải chịu toàn bộ

án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là phù hợp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 điều 227, điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức Tín dụng; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

2. Buộc ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam toàn bộ số tiền vay tính đến ngày 11/9/2025 là 969.731.917 đồng (Chín trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm ba mươi một nghìn chín trăm mười bảy đồng). Trong đó:

Dư nợ theo HĐTD số 4779685.21 ngày 11/06/2021 là: 361.994.202 đồng gồm: Nợ gốc là 313.790.000 đồng; Nợ lãi trong hạn là 16.513.557 đồng, Nợ lãi quá hạn là 31.690.645 đồng.

Dư nợ theo HĐTD số 9004413.21 ngày 24/11/2021 là 504.756.802 đồng trong đó: Nợ gốc là 437.109.867 đồng; Nợ lãi trong hạn là 23.712.287 đồng; Nợ lãi quá hạn là 43.934.648 đồng;

Dư nợ theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế ngày 07/06/2021 là 102.980.913 đồng trong đó: Nợ gốc là 56.327.240 đồng; Nợ lãi là 18.375.711 đồng; Nợ phí là 28.277.962 đồng.

Kể từ ngày 12/9/2025 cho đến khi thi hành án xong ông T, bà Á còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong 03 hợp đồng tín dụng đã ký kết.

3. Trường hợp ông T, bà Á không thực hiện nghĩa vụ thanh toán thì Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam có quyền đề nghị cơ quan Thi hành án dân sự kê biên tài sản thế chấp để thu hồi khoản nợ trên gồm các tài sản sau:

- Tài sản bảo đảm 1 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Kona, biển kiểm soát: 36A-644.18, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 009624 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 10/06/2021 cho ông Hoàng Đạt T, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 7835372.21 ngày 11/06/2021.

- Tài sản đảm bảo 2 là 01 xe ô tô nhãn hiệu: Hyundai, số loại: Tucson, biển kiểm soát: 36A-692.77, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 36 018942 do Phòng cảnh sát giao T Công an tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 23/11/2021 cho bà Lê Thị Ngọc Á, theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số 5786662.21 ngày 24/11/2021.

4. Trường hợp số tiền thu được từ việc phát mại tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì buộc ông T, bà Á phải có nghĩa vụ trả hết số nợ cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam.

5. Về án phí: Buộc ông Hoàng Đạt T, bà Lê Thị Ngọc Á phải nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm nộp ngân sách nhà nước là 41.092.000đồng (Bốn mươi một triệu không trăm chín mươi hai nghìn đồng). (Đã làm tròn số).

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 18.850.832đồng (Mười tám triệu tám trăm năm mươi nghìn tám trăm ba mươi hai đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006244 ngày 11/4/2025 của Phòng thi hành án dân sự khu vực 7, tỉnh Thanh Hóa.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 7, Thanh Hóa
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Tuyết

